

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HC-ST

Ngày 21- 7- 2023

*V/v khiếu kiện hành vi hành  
chính về lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Nho  
Ông Trịnh Ngọc Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 7 và 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 132/2022/TLST-HC ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Bùi Văn P, sinh năm 1975; Địa chỉ: số E- N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* ông Phạm Xuân L – Luật sư văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền ngày 13/10/2022*).

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.  
Địa chỉ: G- H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Minh N- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2022*), vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:***

- Ông Đinh Hữu T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đoàn Kim T1 – Phó giám đốc Công ty cổ phần M, có mặt tại phiên toà ngày 13/7/2023, vắng mặt tại phiên toà ngày 21/7/2023 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Trương Công B – Công chức Địa chính – Xây dựng UBND phường T, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty cổ phần M; Địa chỉ: số G P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Đoàn Kim T1 – Phó giám đốc Công ty cổ phần M, có mặt tại phiên toà ngày 13/7/2023, vắng mặt tại phiên toà ngày 21/7/2023 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị X, sinh năm 1984; số 05 N, khối phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1941; địa chỉ: số E N, khối phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị L1:* ông Phạm Xuân L – Luật sư văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo uỷ quyền (*Văn bản uỷ quyền ngày 22/12/2022*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:*

Ngày 20/6/2017, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T ban hành Quyết định số 8115/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 2.280,6m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Bùi Văn P, bà Trần Thị X để thực hiện dự án xây dựng nhà ở Khu dân cư A (giai đoạn 3 - đợt 2) tại phường T, thành phố T. Trong đó, hộ ông P, bà X bị thu hồi thửa đất số 108, tờ bản đồ số 23 diện tích 1.413,8m<sup>2</sup> gồm 200m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị và 1.213,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (đất vườn).

Ngày 14/7/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 8793/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 (Quyết định số 8793/QĐ- UBND) về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông P, bà X. Ngày 12/01/2018 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 231/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung Điều 1, Quyết định số 8793/QĐ-UBND. Theo đó, về bố trí tái định cư hộ ông P, bà X được bố trí 01 lô đất tái định cư, lô số 03 Khu B thuộc Khu tái định cư A (giai đoạn 1) tại phường T, thành phố T có diện tích 197,04m<sup>2</sup>.

Ông P cho rằng, hộ gia đình ông P bị thu hồi diện tích đất 1.413,8m<sup>2</sup>, gồm 200m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị và 1.213,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao cùng thửa với đất ở) thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 23 tại phường T, thành phố T nhưng

chỉ được bố trí 01 lô đất tái định cư cho hộ gia đình ông P 01 lô đất tái định cư là không đúng quy định pháp luật. Cụ thể, hộ ông P bị thu hồi đất vườn ao cùng thửa với đất ở có diện tích lớn hơn 02 lần hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh Q quy định nên hộ ông P ngoài việc được bố trí 01 lô tái định cư thì còn được giao 01 lô đất tại khu tái định cư, nộp 100% tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q. Mặc khác, tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2018 với hộ gia đình ông P thì Công ty Cổ phần M (Chủ đầu tư dự án) đã thống nhất giao cho hộ ông P 01 lô đất tái định cư theo giá nhà nước và thời hạn chậm nhất đến quý 3/2018, nhưng đến nay hộ ông P vẫn chưa được giao đất. Do đó, ông P đã khiếu nại nhiều lần việc UBND thành phố T không ban hành quyết định giao đất tái định cư, nộp 100% tiền sử dụng đất cho hộ ông P đến Chủ tịch UBND thành phố T. Ngày 15/11/2021, ông P nhận được Văn bản số 280/PHD-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố T với nội dung trả lời về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông P là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ngày 13/10/2022 ông P khởi kiện tại toà án yêu cầu huỷ Văn bản số 280/PHD-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố T và buộc UBND thành phố T ban hành quyết định giao đất cho hộ ông P, bà X 01 lô đất, nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá nhà nước, không thông qua đấu giá tại khu dân cư ADB phường T, thành phố T, theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1, cho rằng: Bà L1 và chồng ông Hồ Xuân T2 chết ngày 17/9/2022, được vợ chồng ông P, bà X cho diện tích đất 200m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 23 tại phường T, thành phố T để làm nhà ở nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định của pháp luật. Năm 2017, khi UBND thành phố T thu hồi đất thì vợ chồng bà L1, ông T2 được bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc trên đất. Riêng về tái định cư thì tại Biên bản họp xét bố trí tái định cư ngày 24/4/2017 và tại Phương án hỗ trợ tái định cư kèm theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng số 8143/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND thành phố T thì hộ bà L1 được bố trí 01 lô đất tái định cư tại khu A, khu tái định cư A, diện tích 110m<sup>2</sup>, nộp tiền sử dụng đất theo giá sàn do UBND tỉnh Q quy định. Tuy nhiên đến nay UBND thành phố T vẫn chưa ban hành quyết định giao cho bà L1, ông T2. Do đó, ngày 22/12/2022 bà L1 nộp đơn yêu cầu độc lập yêu cầu buộc UBND thành phố T ban hành quyết định giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà L1 01 lô đất tại khu tái định cư ADB theo giá đất ở do UBND tỉnh Q quy định.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P vì việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư cho hộ ông P, bà X là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu độc lập của bà L1 thì trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tổ xét bố trí tái định cư đã thống nhất bố trí cho hộ bà L1 01 lô đất tại khu tái định cư A có thu tiền sử dụng đất theo giá sàn do UBND

tỉnh quy định nhưng đến nay tại khu tái định cư ADB chưa có giá đất do UBND tỉnh quy định nên UBND thành phố T chưa thể ban hành quyết định giao đất cho hộ bà L1.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu huỷ Văn bản số 280/PHD-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố T. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần M thừa nhận tại khu tái định cư ADB đã có quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất cho các đối tượng được bố trí tái định cư từ năm 2016 đến năm 2017 thì được điều chỉnh. *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính 2015. Về nội dung, theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P là không có căn cứ. Đối với yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, căn cứ điểm a, b khoản 2, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L1 về việc buộc UBND thành phố T ban hành quyết định giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà L1 01 lô đất tại khu tái định cư ADB theo giá đất ở do UBND tỉnh Q quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu huỷ Văn bản số 280/PHD-UBND ngày 04/11/2021 của UBND thành phố T. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Bùi Văn P.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền yêu cầu độc lập và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Bùi Văn P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Bùi Thị L1, giữ nguyên yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định giao đất cho hộ ông Bùi Văn P và hộ bà Bùi Thị L1 mỗi hộ 01 lô đất tại khu tái định cư A, phường T, thành phố T, có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, đối tượng khởi kiện trong vụ án này là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân thành phố T, ông P có quyền khởi kiện, bà L1 có quyền yêu cầu độc

lập. Yêu cầu của ông P, bà L1 là còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện nhưng những người này đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X nhưng bà X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hộ ông Bùi Văn P bị UBND thành phố T thu hồi diện tích đất 1.413,8m<sup>2</sup>, gồm 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị và 1.213,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm cùng thửa với đất ở (*Đất vườn*), thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 23, tại phường T, để thực hiện dự án xây dựng nhà ở Khu dân cư A (*Giai đoạn 3- đợt 2*) tại phường T, thành phố T (*Sau đây gọi tắt là Khu dân cư ADB*), theo quyết định thu hồi đất số 8115/QĐ-UBND ngày 20/6/2017. Ngày 14/7/2017, UBND thành phố T ban hành quyết định số 8793/QĐ-UBND (Được điều chỉnh bởi quyết định số 231/QĐ-UBND) để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông P, theo đó hộ ông P được bố trí 01 lô đất tái định cư tại Khu dân cư ADB. Trong quá trình giải phóng mặt bằng, ông P đã yêu cầu giao thêm 01 lô đất tái định cư, nộp 100% tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, đến ngày 04/11/2021 UBND thành phố T ban hành văn bản số 280/PHĐ- UBND trả lời đơn ông P với nội dung việc bồi thường đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông P, bà X thì Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Q đang có hiệu lực pháp luật. Theo đó, hộ ông P bị thu hồi đất ở và được bồi thường bằng đất ở tái định cư là đúng theo quy định tại các Điều 74, 79 Luật đất đai 2013, Điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND được sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 quyết định số 02/2016/QĐ- UBND của UBND tỉnh Q. Việc ông P yêu cầu giao thêm 01 lô đất tái định cư nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư không thông qua đấu giá do ông P có diện tích đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở bị thu hồi lớn hơn 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại thời điểm thu hồi đất, bồi thường, tái định cư đối với hộ ông P thì UBND tỉnh Q chưa ban hành quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của

ông P là không có căn cứ để chấp nhận nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

[3] Xét yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1 về việc buộc UBND thành phố T ban hành quyết định giao đất ở tại khu tái định cư A, có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại thời điểm UBND thành phố T thu hồi thửa đất số 108, tờ bản đồ số 23 của hộ ông P, bà X để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư ADB thì trên thửa đất có nhà cửa, vật kiến trúc của hộ bà L1 đang sinh sống. Theo trình bày của ông P, bà L1 thì bà L1 được ông P tặng cho đất để làm nhà ở nhưng chưa thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND thành phố T đã thu hồi, bồi thường về đất đối với toàn bộ thửa đất cho hộ ông P, bà X; hộ bà L1 chỉ được bồi thường về nhà cửa, vật kiến trúc trên đất là đúng quy định. Xét tại thời điểm thu hồi thửa đất số 108, tờ bản đồ số 23 của hộ ông P thì hộ bà L1 đang sinh sống và có nhà trên thửa đất bị thu hồi nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở; bà L1 không có chỗ ở, đất ở nào khác. Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 4 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q thì hộ bà L1 thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở tính tiền sử dụng đất do UBND cấp tỉnh quy định.

[3.2] Tại Biên bản họp xét bố trí tái định cư của UBND thành phố T và tại phương án hỗ trợ tái định cư kèm theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng số 8143/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND thành phố T thì hộ bà L1 được bố trí 01 lô đất tại khu tái định cư A, diện tích 110m<sup>2</sup>, nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá sàn do UBND tỉnh phê duyệt, không qua đấu giá. Tại Văn bản số 81/UBND- TNMT ngày 16/01/2023 của UBND thành phố T đã thừa nhận hộ bà L1 được bố trí 01 lô đất tại khu tái định cư có diện tích 110m<sup>2</sup> nộp 100% tiền sử dụng đất nhưng do chưa có giá đất cụ thể được UBND tỉnh Q phê duyệt nên UBND thành phố T chưa ban hành quyết định giao đất ở cho hộ bà L1. Việc UBND thành phố T cho rằng tại dự án khu dân cư DAB hiện nay chưa có giá đất cụ thể được UBND tỉnh Q phê duyệt nên chưa thể giao đất cho hộ bà L1 là không đảm bảo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, giao đất; việc quy định giá đất, giá đất cụ thể là trách nhiệm của Cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền. Hơn nữa, tại phiên toà người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần M thừa nhận tại khu tái định cư ADB đã có quyết định phê duyệt giá đất cụ thể của UBND tỉnh Q để tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, bố trí đất tái định cư tại khu tái định cư ADB từ năm 2016 đến năm 2017 thì được điều chỉnh. Do đó, lý do UBND thành phố T đưa ra để cho rằng chưa thể ban hành quyết định giao đất ở tại khu tái định cư cho hộ bà L1 là không có căn cứ.

[3.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc UBND thành phố T không ban hành quyết định giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, tại khu tái định cư ADB phường T, thành phố T theo phương án hỗ trợ tái định cư kèm theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng số 8143/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T, là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ bà L1. Vì vậy, yêu cầu độc lập của bà L1 về việc buộc UBND thành phố T ban hành quyết định giao đất ở cho hộ bà L1 01 lô đất tại khu tái định cư A, có thu tiền sử dụng đất theo giá đất do UBND tỉnh Q quy định, là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông P không được chấp nhận nên ông P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông P đã nộp tại biên lai số 0000262 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. UBND thành phố T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà L1.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P về yêu cầu hủy Văn bản số 280/PHD-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

[2] Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193; khoản 3, 4 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 74, Điều 79 Luật đất đai 2013, Điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q (*được sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q*); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[2.1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định giao đất cho hộ ông Bùi Văn P 01 lô đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở tính tiền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy định cho hộ bà Bùi Thị L1, theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Bùi Văn P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông P đã nộp tại biên lai số 0000262 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thành Trung**